

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

KHOA HỌC ★ CÔNG NGHỆ ★ KINH TẾ

BẢN TIN CHỌN LỌC
PHỤC VỤ LÃNH ĐẠO

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TRONG NỀN KINH TẾ TRI THỨC



Số 5

2005



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Lời giới thiệu

Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia thực hiện việc lựa chọn thông tin phục vụ lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước thông qua Bản tin "**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN**". Nội dung của Bản Tin được định hướng vào các vấn đề chính sau đây:

- Các chính sách, chiến lược phát triển của các nước, khối nước, khu vực và trên thế giới về kinh tế, khoa học và công nghệ.
- Các xu thế, các dự báo về phát triển kinh tế, khoa học và công nghệ của các nước, khối nước, khu vực và trên thế giới.
- Những kinh nghiệm về tổ chức, quản lý, soạn thảo các chính sách, chiến lược phát triển kinh tế, khoa học và công nghệ. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
- Những vấn đề quan tâm của các quốc gia và cộng đồng quốc tế trong việc hợp tác quốc tế về kinh tế, khoa học và công nghệ và giải quyết những vấn đề có tính toàn cầu, như dân số, năng lượng, lương thực, môi trường và chống nghèo khổ.
- Các quan điểm, các mô hình mới và những vấn đề phát triển có tính liên ngành.

Bản Tin phát hành định kỳ 1 số một tháng, theo từng vấn đề, Ban Biên Tập rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của bạn đọc về nội dung cũng như phương thức phát hành.

Mọi yêu cầu xin liên hệ với Ban Biên tập theo địa chỉ của Tòa soạn.

- **TỔNG BIÊN TẬP**

TS. Tạ Bá Hưng

- **PHÓ TỔNG BIÊN TẬP**

TS. Phùng Minh Lai

- **THỦY THƯỜNG TRỰC**

TS. Trần Thanh Phương

- **TÒA SOẠN**

24 Lý Thường Kiệt
Hà Nội

Tel: 8.262718

8.256348

Fax: (84).9349127

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TRONG NỀN KINH TẾ TRI THỨC

Trình bày vai trò và những xu thế cải cách nền giáo dục và đào tạo trong nền kinh tế tri thức ở các nước trên thế giới trong giai đoạn hiện nay.

Nền kinh tế tri thức" cần có một nền giáo dục mới

Một trong số những hiện tượng và diễn biến có tầm quan trọng trên quy mô toàn cầu vào nửa cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI là quá trình toàn cầu hoá và sự hình thành "Nền kinh tế tri thức", còn có tên gọi là "Nền kinh tế mới" hay "Nền kinh tế thông tin", tức là nền kinh tế dựa trên cơ sở tri thức và công nghệ thông tin. "Nền kinh tế mới" và quá trình toàn cầu hoá đang xoá nhoà các biên giới quốc gia trong cuộc cạnh tranh, một cách khách quan, đã khiến cho tiềm lực giáo dục - trí tuệ của một nước bất kỳ cũng đều trở thành nguồn lực then chốt để tăng trưởng kinh tế và nâng cao sự phồn thịnh của nước mình. Vì vậy, hệ thống đào tạo nguồn nhân lực có ý nghĩa chiến lược, trở thành công cụ chủ yếu đảm bảo khả năng cạnh tranh cao. Tổ chức UNESCO đã tuyên bố, thế kỷ XXI - thế kỷ mà họ xác định là thế kỷ "trí tuệ" - là "Kỷ nguyên giáo dục". Cũng như hợp tác quốc tế, Giáo dục, Khoa học và Văn hoá ngày càng trở thành một lĩnh vực cạnh tranh.

Sứ mệnh đặc biệt của giáo dục

Bước chuyển của cộng đồng thế giới sang phương thức công nghệ mới về chất, dựa trên sự phát triển sản

xuất và quản lý theo mạng, áp dụng rộng rãi các công nghệ thông tin - liên lạc, đang quy định cấp độ mới của nền văn minh hiện đại. Một trong những đặc điểm chính của cấp độ này là tăng cường vai trò trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng sáng tạo của người lao động với tính cách là những đặc điểm chính của lao động và tiềm lực con người. Yếu tố quan trọng nhất của nền kinh tế công nghệ cao và thông tin - mạng đang được hình thành trên thế giới không phải là các nguồn lực vật chất (giống như trước đây), mà trước hết là kiến thức, trí tuệ, thông tin và những đổi mới - những nhân tố này, ngày nay đang trở thành những nhân tố hiện thực và những sản phẩm độc lập của nền sản xuất.

Điều mới về nguyên tắc của nền kinh tế hiện đại là ở chỗ, không đơn giản là mọi kiến thức đều trở thành bộ phận cấu thành quan trọng nhất của sự phát triển kinh tế - xã hội, mà là những kiến thức và thông tin và để nắm vững chúng, cần phải có trình độ nghiệp vụ cao và trước hết là trình độ đại học. Ngay cả quan điểm về bản chất, ý nghĩa và phương pháp tiếp thụ tri thức và lựa chọn thông tin cũng thay đổi. Một hình thái mới của giáo dục đã xuất hiện - đó là, làm sao để không đơn giản chỉ là truyền bá cho người học những kiến thức cụ thể, "bơm thông tin", mà là dạy cho họ biết thích ứng với những điều kiện kinh tế và hoạt động sống nói chung khác về chất, hoà nhập vào môi trường kinh tế, xã hội v.v... đang thay đổi liên tục.

Ở phương Tây, người ta ngày càng thừa nhận rằng, trong giai đoạn hiện nay, chỉ có hệ thống giáo dục có tính đến các quá trình toàn cầu hoá: những người tốt

ng nghiệp đại học sẽ phải sống và làm việc trong một thế giới mới, mà ở đó ranh giới giữa các nền kinh tế và văn hoá quốc gia có tính ước định nhiều hơn, - chỉ có như vậy họ mới có thể bảo đảm hoạt động có hiệu quả. Khái niệm mới - "Toàn cầu hoá giáo dục" thể hiện một giai đoạn mới về chất trong các quan hệ quốc tế trên lĩnh vực giáo dục - đang trở thành khái niệm thông dụng. Điều đó được biểu hiện qua sự tăng cường các quan hệ quốc tế truyền thống trong giáo dục đại học (trao đổi sinh viên v.v...) cũng như sự xuất hiện các hình thức mới trên cơ sở sử dụng các công nghệ thông tin (dạy học từ xa theo chế độ trực tuyến, các trường đại học ảo cung cấp các dịch vụ giáo dục cho khách hàng nhiều nước trên thế giới). Và trước hết, đó là sự xuất hiện thị trường thế giới về các dịch vụ giáo dục và cuộc cạnh tranh quốc tế trên thị trường đó. Theo một số đánh giá thì tới năm 2005, giá trị của các dịch vụ được cung cấp qua thị trường này sẽ không dưới 90 tỷ USD.

Ở các nước phát triển, vào những năm 90 của thế kỷ XX, tốc độ tăng trưởng việc làm trong lĩnh vực tin học và viễn thông là cao nhất so với các ngành khác. Đồng thời, tốc độ tăng trưởng này diễn ra chủ yếu là nhờ tăng số lượng cán bộ công nhân viên có trình độ nghiệp vụ cao. Giữa việc áp dụng các công nghệ thông tin mới (chương trình, mạng máy tính v.v...) và tăng yêu cầu đối với trình độ giáo dục và nghề nghiệp của người lao động có mối liên hệ trực tiếp với nhau. Tỷ số người có trình độ đại học trong số dân ở độ tuổi lao động liên tục gia tăng ở tất cả các nước. Ở Mỹ chỉ số này là hơn 25%. Ở Nga tỷ lệ này 17,5%, gấp đôi so với ở Pháp.

Quy định những yêu cầu mới đối với hệ thống giáo dục là sự thay đổi về tính chất và cách tổ chức lao động trong bối cảnh thông tin hoá xã hội và thay đổi kiểu hình kinh tế. Cái gọi là chỗ làm việc ảo (theo các chuyên gia, sẽ được phổ biến rộng rãi trong những năm tới đây và nhờ chúng, mà trong nhiều trường hợp, sự giao tiếp trực tiếp giữa người với người làm việc trong quá trình lao động sẽ giảm đi), đòi hỏi người làm việc phải có một thứ tâm lý khác, tức là phải được chuẩn bị đặc biệt về tâm lý, phải có trình độ giáo dục - nghiệp vụ khác về nguyên tắc, và có thể, thậm chí là thay đổi cả quan niệm về trình độ nghiệp vụ. Giai đoạn hiện nay đòi hỏi cần phải có các nhà chuyên môn kiểu mới, cần những người làm việc, mà bên cạnh phẩm chất nghiệp vụ cao, còn cần có những phẩm chất khác, như khả năng hoạt động kinh doanh và quản lý, phân định các mối quan hệ giao dịch và thiết lập các hợp đồng kinh doanh, am hiểu công việc, hiểu biết rộng và có trình độ văn hoá cao, đồng thời có khả năng sáng tạo độc lập và điều đặc biệt quan trọng là biết sống và làm việc trong thế giới thông tin mới, trong Mạng thông tin toàn cầu.

Nhiều nhà khoa học đã so sánh ý nghĩa của Internet và các công nghệ thông tin mới với hệ quả của cuộc cách mạng công nghiệp, với các dạng năng lượng mới, với việc phát minh ra điện. Một mô thức phát triển mới đang tạo nên các quan hệ xã hội kiểu người - máy, với các mối quan hệ siêu tốc toàn cầu, với thước đo không gian - thời gian mới, nền văn hoá khác, các giá trị và kiểu quan hệ xã hội mới khác.

Tất cả những điều đó đã làm thay đổi căn bản môi trường bên ngoài. Để định hướng được trong môi trường này, để tự tin và giữ vững được khả năng cạnh tranh trong

đó, cần phải có những tri thức chuyên môn, những phẩm chất cá nhân và kỹ năng hành động xác định. Điều đó cho thấy, trong thế kỷ XXI, hệ thống giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực phải thực hiện sứ mệnh đặc biệt - đó là chuẩn bị cho người học tiếp cận được những thay đổi kỹ thuật đang diễn ra liên tục, nhận thức được tính tương đối trong hiểu biết của chúng ta và sự cần thiết phải giáo dục liên tục giúp thế hệ trẻ thích ứng kịp thời với thế giới bên ngoài đang thay đổi ngày một nhanh chóng.

Vậy, liệu các hệ thống giáo dục của các nước hiện nay đã sẵn sàng đối với việc thực hiện nhiệm vụ to lớn đó không?

Giáo dục và đào tạo trước những yêu cầu của "nền kinh tế mới"

Nếu một nhà triết học cổ đại bất kỳ, phải can cả cuộc đời để khẳng định được rằng ông không biết gì hết, thì ngày nay, nói một cách đơn giản, chỉ cần kết thúc bậc trung học phổ thông là có thể khẳng định được điều đó. Theo các số liệu mới nhất của Mỹ thì 90% số người Mỹ trưởng thành không biết vận dụng những kiến thức đã được học ở phổ thông. Chỉ có 40% học sinh phổ thông của Mỹ không gặp vấn đề về đọc; trình độ trung bình về kiến thức các khoa học chính xác thấp hơn mức cần thiết khá nhiều. Trong khi đó, vào cuối những năm 1990 chỉ có 20-53% (theo các đánh giá khác nhau) giáo viên của các trường trung học phổ thông công lập có đủ trình độ để sử dụng thành thạo máy tính và Internet trong giờ học. Do đó, bậc phổ thông ở Mỹ đang thiếu trầm trọng những giáo viên nắm vững kỹ thuật giảng dạy hiện đại. Trong

báo cáo tổng kết tại Hội nghị của Mỹ về công nghệ và giáo dục (năm 2000) ghi nhận rằng, học sinh tốt nghiệp các trường trung học phổ thông công lập chưa đảm nhận được những công việc hiện nay và các công ty buộc phải dạy lại "những tân binh" này. Theo các nhà sư phạm Mỹ, thì bằng tốt nghiệp trung học hiện nay chỉ chứng nhận người có bằng đó đã trải qua được bấy nhiêu năm học phổ thông.

Ở Mỹ, vấn đề chất lượng giáo dục phổ thông thấp được Nhà nước giải quyết trong suốt 40 năm qua, hiện nay đã trở nên hết sức gay gắt. Cái gọi là giáo dục tự do với định đề chính của nó là học sinh tự do lựa chọn các khoá học và các môn học (những người ủng hộ coi định đề đó là có tính dân chủ), đã đưa dân tộc giàu có nhất thế giới này đến "sự khốn cùng về giáo dục". Theo số liệu của Viện Nghiên cứu quốc gia về giáo dục tại nhà thì có tới hơn 2 triệu người Mỹ đã thôi không cho con đến trường học, họ cho rằng học tại nhà có hiệu quả hơn. Và mặc dù số lượng này hiện nay là chưa cao, nhưng nó đang tăng dần. Số liệu của Viện nghiên cứu này cũng cho thấy kết quả học tập của những trẻ học tại nhà cao hơn so với ở những học sinh học tại trường phổ thông công lập. Chúng dễ thích ứng với cuộc sống hơn, dễ hoà nhập vào xã hội hơn. Không một ai trong số những người đã trải qua giáo dục tại nhà bị thất nghiệp; 94% trong số họ nói rằng giáo dục tại nhà đã tạo cho họ tính cách độc lập.

Hiện đang xuất hiện một nghịch lý là, nền giáo dục của Mỹ, được máy tính hoá triệt để, có ngân sách chi cho giáo dục-đào tạo lớn nhất trên thế giới, nhưng lại không đáp ứng đầy đủ các nhu cầu về nhân lực cho "Nền kinh tế

mới", không hoàn thành một trong những nhiệm vụ chính của mình về đào tạo những cán bộ cần thiết cho nền kinh tế.

Tình trạng tương tự như vậy cũng đang diễn ra ở đa số các nước Tây Âu: trình độ giáo dục của phần lớn cư dân thấp hơn mức cần thiết đủ để thích ứng với nhịp sống và hoạt động nghề nghiệp hiện nay. Những thử nghiệm được tiến hành ở Pháp và ở Đức khi tuyển quân nhân cho thấy, không ít người được kiểm tra gặp khó khăn khi viết, họ không thể nắm được nội dung bài đọc và không thể giải được những bài toán đơn giản. Cứ 5 người dân Thụy Điển, thì có một người bị tật khiếm khuyết chức năng (tức là không có khả năng thích ứng với các công nghệ mới, với các điều kiện sống hiện đại). Những số liệu này đã được công bố vào tháng 2 năm 2000 tại Hội nghị quốc tế về các vấn đề giáo dục họp tại Vácsava, thủ đô của Ba Lan.

Việc phương Tây thiếu trầm trọng nhân lực có trình độ chuyên môn thể hiện qua sự gia tăng "nhập khẩu" cán bộ từ các nước Đông Âu: mức "nhập khẩu" cán bộ có trình độ, năm 2000 ở Mỹ là 500.000 người, ở Đức là 200.000 người, ở Vương quốc Anh là 50.000 người. Chẳng hạn, ở Mỹ, trong một số ngành có hàm lượng khoa học cao, số người nước ngoài chiếm tới 50% tổng số các nhà chuyên môn có trình độ cao. (Cùng với việc nâng cao trình độ nghề nghiệp chung cho lực lượng lao động, số người này còn tác động tích cực tới nền kinh tế Mỹ). Vào năm 2000, các nước phát triển thu hút khoảng 850.000 nhà chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ thông tin và mạng.

Lãnh đạo các nước phương Tây cho rằng, sở dĩ có tình trạng trên đây là do hệ thống đào tạo cán bộ kém hiệu quả trong việc đào luyện lớp trẻ cho quen với hoạt động chuyên môn hiện đại, phản ứng kém linh hoạt và không thích hợp với những tiến bộ công nghệ lớn trong xã hội. Kết quả là, tiềm lực giáo dục và trình độ nghề nghiệp của lực lượng lao động bị tụt hậu so với công nghệ thông tin đang phát triển mạnh mẽ, còn cơ cấu đào tạo nghề cho cán bộ thì không phù hợp với cơ cấu cầu về cán bộ của nền kinh tế.

Theo nhiều chuyên gia, sự mất cân đối nghiêm trọng giữa công nghệ mới và hệ thống đào tạo cán bộ lỗi thời, cũng như hệ quả của nó - chất lượng nguồn lực lao động chưa phù hợp, là cái chủ yếu cản trở sự phát triển kinh tế và giảm khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Do đó, cần phải hiện đại hoá hệ thống giáo dục, tạo thêm cho nó những yếu tố mới về chất.

Vào cuối những năm 90, ở Mỹ đã xuất hiện phong trào đòi nâng cao triệt để chất lượng giáo dục phổ thông. Kết luận do một Ủy ban đặc biệt đưa ra trong báo cáo có tiêu đề rất kêu "Bây giờ vẫn chưa muộn" đã làm công chúng bàng hoàng. Nó đã vang lên như tiếng chuông báo động, kêu gọi xã hội hãy khẩn trương chỉnh đốn tình hình trong các trường phổ thông ở Mỹ. Ủy ban này đã yêu cầu không dưới 5 tỷ USD chỉ để chi cho việc đào tạo lại và huấn luyện lại giáo viên.

Trong tình hình như vậy, Bộ Giáo dục Mỹ đang cố gắng mở rộng phạm vi tác động của mình trong khi vẫn duy trì chỉ đạo chung công việc của các trường phổ thông. Bộ Giáo dục đã đề nghị thắt chặt hơn nữa chế độ

báo cáo về tình hình trường học: họ áp dụng cái gọi là phiếu báo cáo (Nation's Report Cards). Những biện pháp điều chỉnh các chuẩn giáo dục trung học bắt buộc đã được áp dụng. Hiện nay, phần lớn các bang đều công bố các báo cáo tính theo hệ chuẩn này.

Suy giảm chất lượng giáo dục phổ thông hiện đang là vấn đề có quy mô thế giới. Ở Mỹ, nó gay gắt hơn nhiều so với ở các nước phát triển khác. Do đó, giáo dục phổ thông và nâng cao chất lượng của nó hiện đang là hướng ưu tiên trong chính sách của Chính quyền nước Mỹ.

Các xu hướng như vậy cũng đang diễn ra ở hầu như tất cả các nước phát triển, nơi mà chiến lược quốc gia về hiện đại hoá giáo dục đang được soạn thảo, còn nhà nước thì đóng vai trò là người bảo đảm các đầu tư vào lĩnh vực này.

Các công nghệ cao, các yêu cầu của "Nền kinh tế mới" đang buộc các nhà lãnh đạo phương Tây phải xem xét lại chính sách không can thiệp của mình vào lĩnh vực giáo dục, phải cấp kinh phí thoả đáng cho lĩnh vực này để tạo điều kiện tối đa cho việc hiện đại hoá nó và nâng cao chất lượng cũng như trình độ nghiệp vụ của lực lượng lao động, nhờ đó kích thích sự tăng trưởng kinh tế. Việc làm này chủ yếu là xuất phát từ kết quả của các công trình nghiên cứu mới nhất về hiệu quả đầu tư vào nguồn vốn con người. Tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển (OECD) đã khẳng định, đó là sự đầu tư đem lại hiệu quả cao.

Sự liên kết các hệ thống giáo dục và đào tạo của châu Âu

Bắt đầu từ những năm 90 của thế kỷ XX, các nước hàng đầu thế giới đã bước vào con đường cải biến các hệ

thống giáo dục của mình. Xu thế chung của các cải biến đó là đưa lại các thuộc tính mở cho nền giáo dục. Những chuyển biến gây ấn tượng mạnh nhất và có quy mô lớn nhất diễn ra trên lục địa châu Âu, nơi mà trong lĩnh vực giáo dục, ranh giới quốc gia bị xoá bỏ và đang hình thành nên một *Hệ thống giáo dục tích hợp toàn châu Âu*. Quá trình này đã được phản ánh qua hàng loạt văn kiện. Chẳng hạn, Hiệp ước Maastricht có hiệu lực kể từ tháng 11 năm 1993 đã khẳng định rằng Cộng đồng Châu Âu bằng mọi cách phát huy "Thước đo châu Âu trong giáo dục" đặt ra mục tiêu của mình là hình thành người công dân và nhà chuyên môn kiểu châu Âu: mẫu người tuyên truyền đức khoan dung, vị tha, chủ nghĩa đa nguyên, trân trọng di sản văn hoá của cộng đồng, tự giác tham gia vào quá trình hội nhập của châu Âu, ý thức được sự đồng nhất của châu Âu và thể hiện trong mình "di sản kế thừa quá khứ, thực hiện hiện tại, miêu tả tương lai". Theo phương hướng này, phải giải quyết một loạt nhiệm vụ, như xoá bỏ các rào cản ngôn ngữ, mở rộng việc trao đổi học viên và các nhà sư phạm, công nhận bằng cấp và thời hạn đào tạo của nhau, thường xuyên trao đổi kinh nghiệm và thông tin về các vấn đề và các hệ thống giáo dục hiện thời giữa các nước châu Âu.

Các điều khoản của Hiệp định Maastricht đã được phát triển tiếp theo trong *Tuyên bố Bologna* (một thành phố nằm ở phía Bắc Italia) đã được 29 quốc gia châu Âu thông qua năm 1999. Tuyên bố Bologna đã đánh dấu việc châu Âu bước sang thời đại cải biến các hệ thống giáo dục một cách sâu sắc và toàn diện. Bám sát mục tiêu đó - xây dựng một "*Không gian giáo dục thống nhất toàn châu Âu*", Tuyên bố Bologna đã tuyên bố: giảm thời hạn

đào tạo chính quy và chuyển các hệ thống giáo dục quốc gia sang các chương trình hai cấp hoặc tương tự và bậc chuyên ngành đại học (cử nhân / thạc sĩ); thống nhất cơ cấu và tổ chức các chương trình đào tạo tiến sĩ (bỏ cơ cấu đào tạo học vị hai bậc đã áp dụng tại một số nước); áp dụng các cơ cấu và phương pháp mới, chủ yếu là phi tập trung hoá trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục; tin học hoá giáo dục và phát triển các công nghệ giáo dục từ xa. Tất cả các điều khoản của Tuyên bố Bologna đều là bắt buộc đối với các nước đã tham gia ký kết Tuyên bố và cần được hiện thực hoá trong thời gian 10 năm.

Hiện nay, các điều khoản được ghi nhận trong Tuyên bố Bologna đều đang được triển khai thực hiện trong thực tế. Chẳng hạn, cuộc gặp tại Salamanka (năm 2001) đã thông qua quyết định thành lập Hiệp hội các Đại học châu Âu (EUA) tập hợp trên 700 cơ sở giáo dục đại học của các quốc gia khác nhau ở châu Âu. EUA có trách nhiệm đóng vai trò tập hợp trong việc tổ chức các trường thành viên tham gia quá trình tạo lập không gian giáo dục toàn châu Âu. Mục tiêu cơ bản của cuộc gặp tại Salamanka là bàn về dự án đề ra quy ước về các cơ chế cải biến hệ thống giáo dục châu Âu. Theo ý kiến của những người tham dự cuộc gặp này, cơ sở nền tảng để hội nhập các hệ thống giáo dục quốc gia vào không gian giáo dục châu Âu thống nhất là nguyên tắc "khác nhau có tổ chức". Nguyên tắc này đòi hỏi, một mặt, phải có thái độ thận trọng đối với thực trạng hiện tại rất đa dạng của các hệ thống quốc gia, các kiểu trường, phương hướng và loại hình đào tạo, nội dung chương trình đào tạo. Mặt khác, không để cho hiện trạng đa dạng ấy cản trở các quá trình hội nhập. ở đây muốn nói đến việc đề ra

các cơ chế cho phép dễ dàng đối sánh trình độ đào tạo của các nước khác nhau trong điều kiện hiện vẫn còn những khác biệt giữa các hệ thống giáo dục quốc gia.

Mùa Xuân năm 2001, tại Praha (Tiệp Khắc), đã tổ chức một cuộc gặp, với Thông cáo Chung Praha, đã trở thành biểu tượng cho nguyện vọng lôi cuốn tất cả các nước châu Âu vào quá trình hội nhập. Đáng chú ý là tham dự cuộc gặp này không chỉ có các Bộ trưởng đại học của các nước châu Âu, mà còn có cả một cộng đồng học thuật, với đại diện là các thành viên cả Hiệp hội Đại học châu Âu (EUA) vừa thành lập, cùng các sinh viên đại diện các Hội sinh viên Quốc gia của châu Âu (ESIB). Trong Thông cáo Chung Praha đã đề ra các điều sau: thừa nhận tầm quan trọng của việc đào tạo suốt đời là thước đo cơ bản trong giáo dục; tổ chức quá trình giáo dục sao cho các cơ sở đào tạo đại học cũng như các sinh viên tham gia quá trình này đều là những đối tác có đủ năng lực chuyên môn, tích cực và bình quyền; bằng mọi cách nâng cao tính hấp dẫn của nền giáo dục đại học châu Âu nhờ việc đề ra các chương trình đào tạo nhiều diện ngành khác nhau do các nước cùng phối hợp đề ra và phát triển giáo dục xuyên quốc gia.

Cuộc gặp thường kỳ các Bộ trưởng giáo dục các nước thành viên Tiến trình Bologna lần này đã diễn ra vào tháng chín năm 2003 tại Berlin. Đây là một bước mới trong việc thống nhất các hệ thống giáo dục quốc gia trên đường xây dựng Không gian giáo dục toàn châu Âu.

Như vậy, việc cải cách giáo dục ở các nước châu Âu đang được thực hiện theo những hướng cơ bản sau đây: đưa lại các thuộc tính mở cho các cấp khác của ngành giáo dục, môi trường xã hội, các mối tiếp xúc và liên hệ; mở rộng phạm vi đối tác, hình thành cộng đồng giáo dục;

nâng cao chất lượng giáo dục có xét đến các tiêu chí đánh giá quốc tế v.v... Tất cả những cái đó đang dẫn đến chỗ phát triển sự tương tác giữa các nền văn hoá trong giáo dục, hình thành nên không gian giáo dục châu Âu thống nhất, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền giáo dục châu Âu.

Các chương trình và chuyên ngành đại học hai bậc tương đương, hoặc trùng hoàn toàn (cử nhân/ thạc sỹ)

Hiện nay việc giải quyết vấn đề này không đơn giản, trước hết là do hiện tại, cơ cấu các chuyên ngành của các nước trên thế giới không trùng hợp nhau. Tại các nước châu Âu, số chuyên ngành đào tạo ở đại học hiện lên tới hơn 1000 môn khác nhau. Nếu chỉ giới hạn trong số các chuyên ngành học cơ bản, phổ biến nhất đang được áp dụng ở mỗi nước với tính cách là các môn chuyên ngành chuẩn đối với trình độ đào tạo, tương đương với các bộ môn đã ghi trong Tuyên bố Bologna (3,4 và 5 năm đào tạo), thì danh mục này giảm xuống còn 100 chuyên ngành (tính trung bình, mỗi nước châu Âu có 3-4 môn như vậy). Ở Nga, cơ cấu chuyên môn như sau: cử nhân, thạc sỹ, chuyên gia tốt nghiệp; ở Hoa Kỳ và Anh: cử nhân, thạc sỹ; ở Đức, các chuyên ngành đào tạo truyền thống: chuyên gia tốt nghiệp và thạc sỹ về các phương hướng (khoa học) nhân văn. Đúng là trong thời gian gần đây đã có nhiều thay đổi theo hướng đi tới thống nhất cơ cấu các chuyên ngành đào tạo của các nước thành viên Tiến trình Bologna. Nhưng, như thực tiễn cho thấy, các chuyên ngành được quy định trong Tuyên bố Bologna không thay thế được các chuyên ngành truyền thống đã có từ lâu và được tín nhiệm. Có lẽ sẽ có một thời gian dài cả hai loại chuyên ngành cũ và mới cùng tồn tại song

song như tình trạng ở Đức chẳng hạn. Cộng đồng ngành giáo dục châu Âu cho rằng để giải quyết tốt vấn đề này cần đề ra được các cơ chế đối sánh các chuyên ngành hiện hành trong các hệ thống giáo dục quốc gia với các chuyên ngành được quy định trong bản Tuyên bố này.

Ở Nga hiện nay, cơ cấu các chuyên ngành đang được áp dụng hiện có nhiều thiếu sót nghiêm trọng: không có sự kế thừa cần thiết giữa các trình độ đào tạo khác nhau. Cho đến nay, vẫn chưa đề ra được một quan niệm thật hoàn chỉnh về trình độ cử nhân v.v... Các chương trình đào tạo cử nhân hiện hành do thời hạn đào tạo bị rút ngắn chỉ có thể ở mức định hướng cho sinh viên tốt nghiệp vào một loại hoạt động chuyên nghiệp nào đó. Nhằm nâng cao vốn kiến thức nghề nghiệp, cử nhân sau khi nhận bằng tốt nghiệp buộc phải tiếp tục học hoặc theo chương trình cao học (thạc sỹ), hoặc theo hướng trình đào tạo chuyên gia có chứng chỉ tốt nghiệp. Như vậy, 4 năm đầu, các chuyên gia và thạc sỹ tương lai cùng được đào tạo theo chương trình giáo dục cao học; điều này tất sẽ dẫn đến chỗ mất chất lượng đào tạo vì việc đào tạo ra các chuyên gia phải có tính định hướng thực tiễn, còn việc đào tạo các thạc sỹ thì lại định hướng vào hoạt động nghiên cứu khoa học sau này. Ngoài ra, trong trường hợp này, chương trình đào tạo cử nhân đang trở thành nấc trung gian khi có được trình độ học vấn chuyên nghiệp cao và để mất đi vị thế học vấn độc lập của mình.

Xét trên bình diện trình độ chuyên môn, vì trong các ngành kinh tế quốc dân của Nga đều không xác định các vị thế của cử nhân và thạc sỹ, nên cũng đánh mất luôn cả khía cạnh động cơ trong các hình thức đào tạo này. Như cuộc điều tra chuyên cứu (phỏng vấn chuyên gia) đã tiến hành đối với những sinh viên tốt nghiệp cũng như lớp cán bộ văn

phòng khoa và giảng viên đại học cho thấy, thị trường lao động nước Nga chưa sẵn sàng để bố trí sử dụng lao động cho các cử nhân và thạc sỹ. Do thời hạn đào tạo bị rút ngắn, các chủ doanh nghiệp khi tuyển dụng các cử nhân đều tỏ ý nghi ngờ trình độ nghề nghiệp của họ. Mặt khác, trên thị trường lao động, các thạc sỹ được đánh giá cũng như các chuyên gia là điều bất hợp lý xét từ góc độ số sau là những người có thời hạn đào tạo lâu hơn.

Qua những số liệu dẫn trong Bảng 1, về nội dung và cơ cấu các chương trình đào tạo nghề nghiệp giữa các chuyên ngành giống nhau ở Nga và các nước khác như Mỹ và Anh, có những điểm khác nhau căn bản cả về tổng số tiết học, số tiết trên lớp, cũng như việc phân bố số tiết học cho các khối môn học. Điều đặc biệt rõ là sự khác nhau trong khối các môn (khoa học) nhân văn và kinh tế-xã hội.

Bảng 1. Phân tích so sánh việc đào tạo cử nhân ngành chế tạo máy ở Nga, Hoa Kỳ và Anh quốc

Tên khối môn học	Nga		Hoa Kỳ		Đại học Stradclids, Anh quốc	
	Số tiết	%	Số tiết	%	Số tiết	%
NV và KT-XH	1800	24,5	1344	22,2	0	0
KHTN	1921	26,2	1680	27,4	2219	27,3
N & CM chung	3623	49,3	3042	50,1	5913	72,7
Cộng:	7344	100	6066	100	8132	100
Số tiết trên lớp	3672	50	2022	33,3	3532	43,4

Chú thích: NV và KT-XH - khối các môn nhân văn và kinh tế-xã hội ; KHTN- khối các môn khoa học tự nhiên; N & CM - khối các môn nghề nghiệp nói chung và các môn chuyên sâu.

Những câu trả lời của các giảng viên khi được hỏi "có nên áp dụng ở đại học hệ thống đào tạo hai bậc không?" phân bố như sau: 18% tán thành, 12% phản đối, số còn lại (70%) không có câu trả lời dứt khoát. Kết quả trên chứng tỏ rằng đối với cộng đồng giáo dục, hệ thống đào tạo hai bậc là còn khó hiểu và chưa đủ rõ ràng. Không có gì đáng ngạc nhiên khi không chỉ các giảng viên còn ít thâm niên công tác, mà ngay cả những giảng viên nhiều kinh nghiệm có thâm niên sư phạm trên 10 năm đều không đưa ra được câu trả lời dứt khoát: 62% trong số này không có ý kiến rõ ràng. Qua phân tích kết quả nghiên cứu về các lĩnh vực kiến thức mà các giảng viên được hỏi đang làm việc, có thể thấy thấy rằng những trường hợp thấy khó trả lời dứt khoát nhất khi được hỏi về hệ thống đào tạo hai bậc là khi nói về các bộ môn thuộc diện ngành kỹ thuật và ít do dự nhất là các bộ môn ngành luật. Điều đó lại một lần nữa xác nhận rằng hệ thống đào tạo hai bậc đã được chấp nhận ở cấp các văn kiện pháp lý, nhưng như thế vẫn chưa đủ, nếu không có những biện pháp cụ thể để tiếp tục kiện toàn hệ thống này và phổ biến nó trong cộng đồng giáo dục và toàn dân. Tạm thời, theo ý kiến của một số chuyên gia, cơ cấu hai bậc học vẫn chuyên nghiệp trình độ cao "chưa đáp ứng được đòi hỏi" của các cơ sở kinh tế và cơ quan nhà nước ở Nga, hơn thế, nó còn bị một bộ phận đáng kể của cộng đồng giáo dục nước này tẩy chay.

Các xu hướng trên thế giới và khu vực trong lĩnh vực Giáo dục và đào tạo

Trong hơn một nửa thế kỷ qua, liên kết kinh tế là xu thế phát triển có tính toàn cầu. Cả sự đối đầu của hai hệ thống lẫn các cuộc xung đột cục bộ (chính trị, quân sự)

đều đã không thể cản trở được quá trình liên kết các thị trường (hàng hoá, vốn, sức lao động).

Đối với việc thành lập thị trường sức lao động, mà chất lượng sức lao động phụ thuộc vào mức độ các dịch vụ giáo dục được cung cấp, thì bên cạnh những kết quả tích cực cũng đã xuất hiện những khó khăn nhất định do sự khác biệt trong cách tiếp cận đối với việc tổ chức các quá trình giáo dục gây ra. ở đây không có gì là phản tự nhiên bởi vì thị trường đào tạo nghề phương Tây, nơi đang diễn ra sự cạnh tranh giữa các hệ thống của các nước thuộc Liên minh châu Âu, Mỹ, Nhật Bản và Australia, đã định hình và sự hoà nhập của các nước Trung và Đông Âu với hệ thống giáo dục nghề nghiệp, chuẩn và phân loại nghề nghiệp của riêng họ vào thị trường này là cực kỳ khó.

Để giảm bớt khó khăn cho quá trình hoà nhập này, các nước đã quyết định sử dụng bảng phân loại và các chuẩn giáo dục nghề nghiệp quốc tế, hệ thống thuật ngữ tiếng Anh. Quỹ Giáo dục châu Âu đảm trách việc đưa ra quan điểm thống nhất về xây dựng các chuẩn giáo dục đối với các nước Trung và Đông Âu, các nước SNG. Dưới sự bảo trợ của tổ chức này, Viện Nghiên cứu liên bang về Đào tạo nghề nghiệp ở Berlin đã chuẩn bị tài liệu giáo khoa nhằm giúp đỡ về thông tin và phương pháp luận cho những người xây dựng các chuẩn giáo dục quốc gia và tài liệu này đã tính đến những đặc điểm văn hoá và kinh tế xã hội của từng nước.

Nguyên tắc xây dựng Chuẩn giáo dục

Trong lý luận hiện đại về kinh tế lao động, khái niệm "Thị trường lao động" là khái niệm mang nền tảng.

Cùng với sự gia tăng yêu cầu về chất lượng sản phẩm, các yêu cầu về chất lượng lao động và trình độ tay nghề

của người lao động cũng đã hình thành. Ngày nay, người tiêu dùng các sản phẩm hoặc dịch vụ đều được bảo hành về chất lượng sản xuất sản phẩm và dịch vụ đó, vì vậy ngay cả nghề nghiệp bây giờ cũng được coi như là hàng hoá trên thị trường lao động.

Chuẩn dạy nghề bao gồm danh mục các thao tác lao động phải được thực hiện trong phạm vi một hoạt động nghề nghiệp nhất định, cũng như những kiến thức, kỹ năng và kỹ xảo gắn liền với chúng.

Các chuẩn giáo dục đã được hình thành có tính đến các yếu tố bên ngoài (tình hình kinh tế, chính sách cán bộ, các yêu cầu của thị trường lao động, chính sách trong lĩnh vực giáo dục...) dựa trên các nguyên tắc sau:

- Chất lượng giáo dục nghề nghiệp được xác nhận bằng các kết quả đánh giá về mức độ nắm vững các chương trình tương ứng.

- Tính mở - tính tiếp cận được đối với tất cả những người tham gia vào quá trình (người học, giảng viên, những người đặt hàng).

- Tính so sánh được của các văn bằng được cấp (thực hiện nguyên tắc này, đây là nguyên tắc đòi hỏi nhiều công sức nhất khi áp dụng, cần phải đưa ra các văn bản pháp qui về sự công nhận lẫn nhau đối với các văn bằng giáo dục, so sánh nội dung các chương trình quốc gia...)

- Tính bắt buộc phải áp dụng (trong phạm vi các hệ thống giáo dục quốc gia thì nguyên tắc này được tuân thủ một cách bắt buộc, còn đối với các chuẩn quốc tế và khu vực thì cần có những văn bản quy định bổ sung, trong trường hợp không có, chúng sẽ mang tính hướng dẫn).

- Thời hạn áp dụng (hai năm đối với những chuẩn giáo dục mới, còn vô thời hạn thì tùy theo sự gia tăng các yêu cầu mới đối với hoạt động nghề nghiệp).

- Mở rộng phạm vi ứng dụng.

Phương pháp xây dựng các Chuẩn giáo dục

Trong phạm vi các nghiên cứu do nhóm công tác của Quỹ Giáo dục châu Âu tiến hành đã đưa ra thể thức xây dựng các chuẩn giáo dục và có thể coi đó là phương pháp tốt nhất cho phép có được nhiều phương án.

Mục tiêu nghiên cứu là đưa ra quan điểm đào tạo kiểu nhà chuyên môn mới, có khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động ngay từ khi ra trường. Để đạt được mục đích đó, cần phải cải tổ căn bản hoạt động của trường dạy nghề theo một số hướng sau:

- Chú ý đến các nhu cầu của cá nhân về việc đi học và nhu cầu của thị trường lao động về các nhà chuyên môn phù hợp.

- Phối hợp hành động giữa đào tạo nghề nghiệp với các hiệp hội những người thuê lao động, các công đoàn, các tổ chức về lao động và việc làm.

- Đưa giáo dục nghề nghiệp vào hệ thống đánh giá thị trường lao động.

- Sự tham gia của các cơ quan giáo dục vào việc xây dựng các chuẩn giáo dục mới và điều chỉnh các chuẩn giáo dục hiện hành.

Nhiệm vụ cụ thể của dự án định hướng là: nghiên cứu thị trường lao động, nắm vững các phương pháp phân tích yêu cầu của người thuê lao động về nghề nghiệp. Có bảy nghề (đại diện cho bốn khu vực kinh tế) đã lựa chọn được các chuẩn nghề nghiệp. Trên cơ sở những nghề này, người ta đã lập ra danh mục các kỹ năng mà học viên mãn khoá cần phải có, và đã đưa chúng vào các phiếu điều tra dành cho các chuyên gia, những người thuê lao động...

Phỏng vấn, xử lý kết quả của cuộc điều tra, khái quát tổng hợp chúng và các giai đoạn khác - là các thành tố cấu thành phương pháp nghiên cứu. Cơ sở lập phiếu điều tra là các yêu cầu về chuẩn giáo dục hiện hành và các chương trình học tập được dự định hoàn thiện. Cuộc phỏng vấn có tính đối chứng đối với những người thuê lao động đã cho phép: xác định rõ thêm danh mục các yêu cầu ban đầu đối với học viên mãn khoá (như phẩm chất nghề nghiệp, nhân cách và chức năng của học viên), tăng số lượng các kỹ năng mà học viên cần phải có, xác định các ưu tiên của những người thuê lao động khi bổ sung vào những chỗ còn thiếu người, đánh giá mức độ thực tế các kỹ năng của học viên mãn khoá và thực tập sinh, và phát hiện những khiếm khuyết trong việc đào tạo cán bộ làm việc tương lai. Việc thăm dò ý kiến các học viên mãn khoá và thực tập sinh cho phép xác định được tiềm năng của họ với tính cách là những người trực tiếp thực hiện các yêu cầu của những người thuê lao động về trình độ tay nghề.

Để đánh giá các yêu cầu về trình độ tay nghề, người ta sử dụng phương pháp phân tích chức năng - so sánh đối với từng người. Việc so sánh các dữ liệu do chính người lao động cung cấp (về đào tạo nghề, về trình độ, về các kỹ năng,...) với các yêu cầu của người thuê lao động đã cho phép xác định xem người lao động đó có cần được đào tạo lại hay không.

Trong trường hợp, khi cần làm rõ không chỉ nhu cầu khách quan về nâng cao trình độ chuyên môn, mà cả nguyên nhân những thiếu hụt trong kiến thức và kỹ năng của của người lao động, người ta sử dụng "chỉ số thành tích học tập". Sự khác nhau trong đánh giá của người thuê lao động và cơ quan đào tạo đối với trình độ học vấn

của người học cho phép nhận định một cách khách quan những điều còn thiếu ở người học và xác định những gì cần phải thay đổi trong các chương trình học tập hay trong việc đưa ra những chuẩn giáo dục mới. Tiếp theo, người ta đã có một số thay đổi trong phương pháp nghiên cứu, nhưng logic của nó thì vẫn được giữ nguyên. Tiếc rằng, các kết quả của dự án định hướng đã không có tác động lớn nào đến phương pháp đưa ra các chương trình giáo dục.

Kinh nghiệm xây dựng các Chuẩn giáo dục

Hoạt động nhằm làm cho các chuẩn giáo dục và các chương trình học tập đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động đã được tiến hành dưới sự bảo trợ của Quỹ Giáo dục châu Âu.

Ở *Pháp*, cái gọi là "Quy chế hướng dẫn" do Bộ Giáo dục áp dụng vào đầu những năm 1980 được sử dụng với tính cách là chuẩn giáo dục. Văn bản này là cơ sở để đưa ra các kế hoạch giáo dục đối với việc đào tạo nghề, cũng như cho việc đào tạo lại và nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động.

Với việc áp dụng văn bản mới, cách thức xây dựng các chương trình giáo dục đã thay đổi. Trước kia, nội dung lý thuyết và môn học của chúng được đặc biệt chú ý, còn hoạt động nghề nghiệp được xem như là sự vận dụng các kiến thức lý thuyết. Giờ đây, mục đích của các chuẩn giáo dục là xác định yêu cầu đối với giáo dục và hoạt động nghề nghiệp, chuẩn bị các chương trình phù hợp.

Khi soạn thảo các chuẩn giáo dục phải áp dụng ba văn bản có tính tiêu chuẩn sau:

- Quy chế về hoạt động: quy chế này mô tả hoạt động nghề nghiệp theo quan điểm của các mục tiêu, các điều kiện và các phương pháp sản xuất.

- Quy chế về nhận xét: quy chế này quy định các kỹ năng cần phải có và các phương pháp đánh giá chúng.

- Nguyên tắc tiến hành các kỳ thi

Chuẩn giáo dục có tính chất bắt buộc phải áp dụng trong dạy nghề mới chỉ được chú ý đến trong lĩnh vực lao động, nhưng sự trả công lao động hiện được thực hiện không phải theo kỹ năng mà người lao động có, mà là theo kết quả công việc. Trong hoạt động sản xuất, giấy nhận xét (chứng nhận) nghề nghiệp dựa trên các yêu cầu về trình độ chuyên môn đối với nhân viên được đánh giá cao.

Tác động của thị trường lao động đến quá trình giáo dục thể hiện đặc biệt rõ trong cách thức xây dựng các chuẩn giáo dục (Cách thức này về cơ bản không khác cách thức do Quỹ Giáo dục châu Âu đưa ra).

Hầu như trong tất cả các giai đoạn chuẩn bị chuẩn giáo dục, cùng với các đại diện của các bộ tương ứng và uỷ ban giáo dục, còn trừ định cả tới sự tham gia của cả những người thuê lao động.

Như vậy, chú ý tới lợi ích của những người thuê lao động và bảo đảm khả năng cạnh tranh cao của những người tốt nghiệp các trường đào tạo, cơ chế quản lý giáo dục nghề nghiệp của Pháp đã được soạn thảo bằng cách xây dựng và áp dụng bắt buộc các chuẩn giáo dục là có định hướng.

Ở Đức, có hai hệ thống đào tạo nghề nghiệp khác nhau:

- Trường dạy nghề trong công ty (sản xuất) ("hệ thống kép"), bao quát hai phần ba số người tốt nghiệp các trường học hiện đang làm việc.

- Đào tạo nghề nghiệp cơ bản cho phép có được trình độ học vấn tương đương với trình độ có được khi học xong "hệ thống kép". .

Các chuẩn giáo dục được sử dụng trong cả hai loại hình đào tạo nghề, nhưng các chuẩn của "hệ thống kép" được chú ý nhiều nhất.

Chúng kích thích việc thường xuyên đổi mới các chuẩn trong hệ thống giáo dục nhà nước, cũng như trong các trường dạy nghề của công ty và các trường dạy nghề khác. Việc nghiên cứu, áp dụng và đánh giá chúng được thực hiện đồng thời bởi những người thuê lao động, các tổ chức công đoàn, các chính phủ cấp liên bang và vùng, các viện và các cơ quan giáo dục trong khuôn khổ pháp luật hiện hành. Nhờ thể thức hoàn thiện các chuẩn giáo dục và dạy nghề do Viện Nghiên cứu liên bang về đào tạo nghề đưa ra, mà trong mười năm gần đây, thời gian nghiên cứu và xem xét lại các chuẩn giáo dục đã giảm trung bình từ hai năm xuống còn chưa đầy một năm.

Kể từ khi được công nhận, thể thức này đã được áp dụng thành công để xây dựng hoặc điều chỉnh hơn 400 chuẩn giáo dục. Trong quá trình khai thác nó, đại diện của những người thuê lao động và các tổ chức công đoàn đã được giải thích về cách mô tả các yêu cầu của mình đối với những người tốt nghiệp khoá học, cách chuẩn bị những dự thảo các chuẩn giáo dục và cách xác định mức độ trách nhiệm của những người tham gia vào quá trình. Do yêu cầu của các xí nghiệp lớn và nhỏ đối với đào tạo

là khác nhau nên trong cơ sở của chuẩn giáo dục quốc gia có một số chỉ tiêu trung hoà.

Tính hợp lý của việc nghiên cứu hoặc xem xét lại chuẩn của Viện Nghiên cứu liên bang về đào tạo nghề được xác định theo các tiêu chí đã được quy định, mà những tiêu chí này đã chú ý đến các nhu cầu của thị trường lao động và các khả năng của quá trình giáo dục.

Thể thức này gồm bốn giai đoạn: tiến hành nghiên cứu khoa học, xác định đặc điểm nghề nghiệp, soạn thảo và phối hợp kế hoạch giảng dạy, chuẩn bị các ấn phẩm và xuất bản.

Mỗi giai đoạn ngắn hay dài là tùy thuộc vào sự nhất trí hành động của các đối tác xã hội, lượng thông tin có được, các nhu cầu của thị trường lao động... Trong thời gian những năm 1977-1986, việc chuẩn bị một chuẩn mới đòi hỏi 2 hoặc 3 năm. Sau 25 năm đã xem xét lại được gần 200 chuẩn. Tiến bộ trong công nghệ thông tin và kỹ thuật liên lạc, sự hiện đại hoá năng động ngành công nghiệp đã dẫn tới sự cần thiết phải đẩy nhanh quá trình soạn thảo các chuẩn giáo dục mới (từ năm 1995 đến nay đã có gần 30 chuẩn giáo dục mới được đưa ra đối với các lĩnh vực hoạt động kể trên)

Như vậy, hệ thống giáo dục nghề nghiệp ở Đức thể hiện rõ nét khả năng phản ứng nhanh trước các nhu cầu của nền kinh tế quốc gia.

Vương quốc Anh sử dụng các chuẩn giáo dục của mình và đó là cơ sở cho việc biên soạn các chuẩn nghề nghiệp quốc gia. Để đạt được trình độ nghề nghiệp quốc gia xét theo chuẩn nghề nghiệp, ứng viên phải nắm được những kiến thức và kỹ năng nhất định, bất kể ứng viên

được đào tạo ở đâu, thời gian và chương trình đào tạo như thế nào.

Chuẩn nghề nghiệp là một phần của hệ thống phân loại nghề nghiệp quốc gia do chính phủ quản lý và do ủy ban về trình độ và kế hoạch giáo dục điều chỉnh.

Ngoài các chuẩn nghề nghiệp quốc gia, ở Vương quốc Anh còn áp dụng các chuẩn do các hội những người thuê lao động, các trường cao đẳng và các tổ chức khác soạn thảo ra.

Vì ở Vương quốc Anh không có danh mục chính thức các nghề nghiệp (tức là không có bảng phân loại nghề nghiệp và công việc), nên mỗi tổ chức quốc gia về đào tạo nghề (NTO) (bao quát một khu vực nghề nhất định) phối hợp hoạt động của mình với các NTO khác (hiện có gần 60 NTO đăng ký hoạt động)

Mối liên hệ giữa hoạt động giáo dục với thị trường lao động được thực hiện thông qua các NTO bởi vì chính các NTO đại diện cho lợi ích của những người thuê lao động thông qua các hiệp hội của họ, đồng thời đại diện cho lợi ích của người lao động thông qua các công đoàn ngành và các đại diện của lĩnh vực giáo dục và đào tạo nghề.

Mỗi NTO ngành phối hợp chặt chẽ với lĩnh vực sản xuất để soạn thảo ra chuẩn giáo dục, và sau đó là với một trong các cơ quan chuyên môn chịu trách nhiệm soạn thảo và áp dụng các chuẩn nghề nghiệp để nhóm chúng thành các chuẩn giáo dục quốc gia. Phương thức soạn thảo các chuẩn mực giáo dục mang tính huấn lệnh là không có, nhưng có sự chỉ

đạo và hướng dẫn được đa số các NTO nhất trí và áp dụng.

Các chuẩn giáo dục được áp dụng không chỉ để soạn thảo chuẩn giáo dục quốc gia mà còn được dùng làm cứ liệu xuất phát để đào tạo nghề và nâng cao trình độ chuyên môn cho mỗi người.

Mô hình các chuẩn giáo dục

Mô hình thi cử - ở Vương quốc Anh. Trọng tâm chú ý được đặt vào việc đánh giá các kết quả học tập cuối cùng để nhận được giấy chứng nhận phù hợp. Giấy chứng nhận này do các cơ quan được nhà nước chính thức công nhận (ủy nhiệm) cấp. Về thực chất, nhược điểm chính của nó bắt nguồn chính từ đây, là sự phụ thuộc vào tính phức tạp của các câu hỏi thi và phụ thuộc vào cách tổ chức cấp giấy chứng nhận.

Mô hình nghề nghiệp (dạy nghề tại nơi làm việc) phổ biến ở Đức, Đan Mạch và Pháp. Mô hình này nhằm làm cho học viên mãn khoá được đào tạo nghề hoàn chỉnh về một nghề nghiệp cụ thể có chú ý đến yêu cầu của người thuê lao động. Chuẩn bao gồm các yêu cầu đối với thí sinh thi vào, nội dung, tổ chức, thời gian học, cũng như phần nhận xét.

Rõ ràng là có thể coi định hướng kết hợp các kiến thức cơ bản với các kiến thức chuyên ngành khi xây dựng mô hình trên là một trong những tính ưu việt của nó (vì điều này góp phần phát triển nhân cách nói chung), tuy nhiên phải mất nhiều công sức khi đưa ra các chuẩn giáo dục lại là một trong những điểm yếu của nó. Tính hiệu quả cao của mô hình này

làm cho nó trở nên phổ biến ở các nước Trung và Đông Âu.

Mô hình mô-đun - *mô hình Hà Lan*, được áp dụng khi soạn thảo các chương trình đào tạo và đào tạo lại cán bộ ở các nước EU. Mô hình được áp dụng không chỉ đối với những người trả thi quốc gia (để tốt nghiệp ra trường), mà cả đối với những người đang học (để thi vào khối trường). Ở mô hình này người ta mô tả các dạng nghiệp vụ riêng và đưa ra danh sách những kiến thức và kỹ năng cần thiết đối với nó, gọi là mô-đun hiểu biết. Người ta đặt ra các yêu cầu thi quốc gia cho mỗi một mô-đun và căn cứ theo mức độ hoàn thành chúng để cấp giấy chứng nhận. Các chuẩn giáo dục cũng gồm nội dung về mục đích học tập, các yêu cầu khi nhập trường, hướng dẫn về trình tự trải qua các mô-đun học tập.

Mô hình này, cũng như các mô hình khác, đều có những ưu việt và điểm yếu riêng. Có thể nêu ra những ưu việt như: tính gọn của các học phần, phù hợp tốt nhất với các đặc điểm cá nhân của người học, dễ đổi mới. Còn điểm yếu của nó là tính biệt lập quá mức của mỗi một mô-đun. Khi tổ chức quá trình học tập (có tính đến khả năng lựa chọn rộng rãi của cá nhân về cách thức học tập) có những khó khăn về mặt lý luận dạy học.

Ở Hà Lan cũng áp dụng sự phối hợp mô hình nghề nghiệp và mô hình mô-đun.

*

*

*

Trong thế kỷ XXI, giáo dục và đào tạo đang trở thành một trong những yếu tố chiến lược của tiến bộ xã hội và tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, nguồn nhân lực có kỹ năng chuyên môn cao ngày càng đóng vai trò quyết định đối với việc nâng cao tiềm lực KH&CN và khả năng cạnh tranh của một nước trong tiến trình hội nhập kinh tế toàn cầu và khu vực. Bởi vậy, việc tìm hiểu và rút ra bài học kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các nước trên thế giới, để phát triển và phát huy bằng mọi cách nguồn nhân lực là một trong những việc làm cần thiết để đối phó với những thách thức, cũng như tận dụng được các cơ hội mới, nhằm đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại ở nước ta.

Người biên soạn: Nguyễn Thanh Thuỷ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Kolchunina M.B. Novoi Ekonomike - Novoe Obrazovanie.. "ME i MO", 2003, No. 12, str. 42-53.
- 2) Onokoj L.S. Rossiya na Puti Integratsii v Obshcheevropejskuju Sistemu Obrazovaniya. SOCIS, No 2, 2004, str. 80 - 85.
- 3) Pavlov Feliko. Obrazovatel'nye Standarty i Kachestvo Rabochei Sily. Chelovek i Trud, No7, 2003, str. 44-46.

